

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 48 /2008/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2008

THÔNG TƯ**Hướng dẫn xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo của trung tâm giáo dục thường xuyên**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRÈ	
ĐẾN	Số: 2034
	Ngày: 09/9/08
Chuyển:	

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Căn cứ Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại Công văn số 948/BNV-TCBC ngày 31 tháng 3 năm 2008 và Bộ Tài chính tại Công văn số 7750/BTC-HCSN ngày 03 tháng 7 năm 2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo của trung tâm giáo dục thường xuyên như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Thông tư này hướng dẫn việc xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) và trung tâm giáo dục thường xuyên huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện).

2. Mục đích

a) Tiếp tục kiện toàn và tăng cường công tác quản lý đối với các trung tâm giáo dục thường xuyên, khắc phục sự thiếu thống nhất trong việc xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên.

b) Thực hiện phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong việc xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên.

c) Làm cơ sở cho việc thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các trung tâm giáo dục thường xuyên.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đổi mới phương thức đầu tư cho các trung tâm giáo dục thường xuyên.

3. Nguyên tắc

a) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trung tâm giáo dục thường xuyên được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; phù hợp với hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Bảo đảm tính khách quan, công bằng; đảm bảo tương quan về thứ bậc xếp hạng với phạm vi tổ chức và quy mô hoạt động của các trung tâm giáo dục thường xuyên.

c) Đối với các trung tâm giáo dục thường xuyên mới thành lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định xếp hạng trong quyết định thành lập với mức hạng thấp nhất tương ứng với trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh hay cấp huyện.

4. Thời hạn xếp lại hạng

a) Sau 5 năm (đủ 60 tháng), kể từ ngày ký quyết định xếp hạng, các trung tâm giáo dục thường xuyên phải được xem xét quyết định xếp lại hạng.

b) Trường hợp trung tâm giáo dục thường xuyên sau khi xếp hạng được đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung nhiệm vụ phát triển liên tục bảo đảm đạt tiêu chí cao hơn thì sau 1 năm (đủ 12 tháng) kể từ ngày quyết định đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung nhiệm vụ được xem xét xếp lại hạng vào hạng liền kề.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Tiêu chí xếp hạng

Việc xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên căn cứ theo các nhóm tiêu chí sau:

- a) Quy mô người học;
- b) Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên;
- c) Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học;
- d) Chất lượng giáo dục, đào tạo và hiệu quả hoạt động.

Tiêu chí cụ thể và bảng tính điểm được quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

2. Khung xếp hạng

a) Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh xếp ba hạng: hạng ba, hạng bốn, hạng năm;

b) Trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện xếp ba hạng: hạng năm, hạng sáu, hạng bảy.

3. Điểm xếp hạng

Thang điểm xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên: 100 điểm. Điểm của từng tiêu chí được làm tròn đến hàng đơn vị.

a) Đối với trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh: (Theo Phụ lục I)

- Hạng ba: đạt số điểm từ 90 điểm trở lên.
- Hạng bốn: đạt số điểm từ 70 đến 89 điểm.
- Hạng năm: dưới 70 điểm.

b) Đối với trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện: (Theo Phụ lục II)

- Hạng năm: đạt số điểm từ 90 điểm trở lên.
- Hạng sáu: đạt số điểm từ 70 đến 89 điểm.
- Hạng bảy: dưới 70 điểm.

4. Hệ số phụ cấp chức vụ

STT	Chức danh	Hệ số phụ cấp chức vụ				
		Hạng III	Hạng IV	Hạng V	Hạng VI	Hạng VII
1	Giám đốc	0,9	0,8	0,7	0,6	0,45
2	Phó Giám đốc	0,7	0,6	0,5	0,4	0,35
3	Trưởng phòng và tương đương	0,45	0,4	0,35	0,3	0,25
4	Phó Trưởng phòng và tương đương	0,35	0,3	0,25	0,2	0,15

III. THẨM QUYỀN, HỒ SƠ VÀ THỦ TỤC XẾP HẠNG

1. Thẩm quyền xếp hạng

Căn cứ vào kết quả đánh giá theo thang điểm quy định tại Thông tư này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên.

2. Thủ tục xếp hạng

- a) Hồ sơ đề nghị xếp hạng, gồm:
- Tờ trình đề nghị xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên;
 - Quyết định thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên;
 - Bản báo cáo kết quả hoạt động và hiệu quả hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên trong thời gian 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng;
 - Bảng tự đánh giá tính điểm theo tiêu chí xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên (trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh theo Phụ lục I, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện theo Phụ lục II);

- Số liệu thống kê số lượng học viên theo học các chương trình trong 3 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị xếp hạng;

- Danh sách cán bộ, giáo viên, viên chức trong biên chế và giáo viên hợp đồng kèm theo trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ-tin học;

- Số liệu thống kê chi tiết về diện tích đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

b) Quy trình xếp hạng

- Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên hoàn tất các hồ sơ quy định tại điểm a) khoản 2 của mục này và tổ chức tự đánh giá xếp hạng.

- Sở giáo dục và đào tạo tiếp nhận hồ sơ đề nghị xếp hạng của trung tâm giáo dục thường xuyên, chủ trì phối hợp với sở nội vụ tổ chức thẩm định; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của trung tâm giáo dục thường xuyên, sở giáo dục và đào tạo phải hoàn tất các thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai hướng dẫn việc đánh giá, xếp hạng các trung tâm giáo dục thường xuyên theo hướng dẫn tại Thông tư này; gửi báo cáo kết quả xếp hạng các trung tâm giáo dục thường xuyên về Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ.

2. Bảng hệ số phụ cấp chức vụ quy định tại khoản 4 mục II của Thông tư này thay thế các điểm từ số thứ tự 9 đến số thứ tự 12 khoản 1 mục IV Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập.

3. Các văn bản quy định khác trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

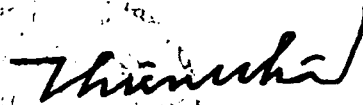
4. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TW (để b/c);
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Công báo;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Sở giáo dục và đào tạo, Sở nội vụ, Sở tài chính;
- Website Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ TCCB, Vụ GDTX.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Thiện Nhân

Gửi² - Ban CTA
- TCCB }
- KHTC } Tham luận² Thủ²
- GDTX } liên

PHỤ LỤC I
TIÊU CHÍ VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG
TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TỈNH
(Kèm theo Thông tư số 48//2008/TT-BGDĐT ngày 25/8/2008
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mục	Tên tiêu chí	Điểm tối đa
A.	Nhóm tiêu chí I: Quy mô học viên (HV) theo học các chương trình giáo dục thường xuyên	40 điểm
1.	Quy mô HV của các chương trình liên kết đào tạo lấy văn bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp: Tối thiểu có 200 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 50 HV được cộng thêm 01 điểm.	10 điểm
2.	Quy mô HV Bổ túc trung học phổ thông: Tối thiểu có 200 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 100 HV được cộng thêm 01 điểm.	5 điểm
3.	Quy mô HV học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chuyển giao khoa học kỹ thuật, dạy nghề ngắn hạn, bồi dưỡng văn hoá: Tối thiểu có 300 lượt HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 100 lượt HV được cộng thêm 01 điểm.	15 điểm
4.	Quy mô HV học ngoại ngữ, tin học, công nghệ thông tin truyền thông, tiếng dân tộc thiểu số: Tối thiểu có 100 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 50 HV được cộng thêm 01 điểm.	10 điểm
B.	Nhóm tiêu chí II: Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên	20 điểm
1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy: - Ban giám đốc chỉ có 1 người được tính 01 điểm. Ban giám đốc có 2 người trở lên được tính 02 điểm. - Tối thiểu có 2 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương được tính 01 điểm. Có từ 3 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương trở lên được tính 02 điểm.	4 điểm

2.	<p>Đội ngũ cán bộ, giáo viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số cán bộ, giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn: (06 điểm) Tối thiểu có 15 người được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 2 người được cộng thêm 01 điểm. - Cơ cấu đội ngũ giáo viên: (03 điểm) Có giáo viên của 4-6 môn học bắt buộc của Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: 01 điểm. Có giáo viên của 7 môn học bắt buộc: 02 điểm. Có giáo viên ngoại ngữ, tin học, công nghệ thông tin được cộng thêm 01 điểm. - Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giáo viên: (03 điểm) Tối thiểu có 80% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ từ đại học trở lên được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 5% thì được cộng thêm 0,5 điểm. 	12 điểm
3	<p>Trình độ ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 40% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên: 0 điểm. - Có từ 40%-69% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên được tính 01 điểm. - Có từ 70% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên được tính 02 điểm. 	2 điểm
4	<p>Trình độ tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 50% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên: 0 điểm. - Có từ 50%-79% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên được tính 01 điểm. - Có từ 80% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên được tính 02 điểm. 	2 điểm
C.	Nhóm tiêu chí III: Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	25 điểm
1	<p>Diện tích đất sử dụng:</p> <p>Có tối thiểu 1500 m² được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 500 m² được cộng thêm 01 điểm.</p>	7 điểm

2	<p>Phòng học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu có 7 phòng học kiên cố được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 1 phòng học kiên cố được cộng thêm 01 điểm. - Trường hợp không có phòng học kiên cố thì cách tính điểm như sau: Tối thiểu có 10 phòng học không kiên cố được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 1 phòng học không kiên cố được tính 01 điểm; tối đa không quá 04 điểm. 	10 điểm
3	<p>Nhà điều hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng họp Hội đồng: 01 điểm. - Có phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc: 01 điểm. - Có phòng làm việc của kế toán, thủ quỹ, văn thư: 01 điểm. 	3 điểm
4	<p>Phòng thí nghiệm và thiết bị dạy học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng thí nghiệm hoặc phòng học tin học: 01 điểm. - Có thiết bị dạy học của các lớp 10, 11, 12: 01 điểm. - Có thiết bị dạy nghề phổ thông, nghề ngắn hạn: 01 điểm 	3 điểm
5	<p>Phòng thư viện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng thư viện với diện tích tối thiểu 50 m²: 01 điểm. - Có 1000 đầu sách các loại trở lên: 01 điểm. 	2 điểm
D.	Nhóm tiêu chí IV: Chất lượng giáo dục đào tạo và hiệu quả hoạt động	15 điểm
1	<p>Chất lượng giáo dục, đào tạo: Được địa phương đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt: 10 điểm. - Khá: 07 điểm. - Trung bình: 05 điểm. - Yếu: 0 điểm. 	10 điểm
2	<p>Đa dạng hoá nội dung chương trình giáo dục và hình thức học, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi tầng lớp nhân dân trong địa bàn, góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Được địa phương đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt: 05 điểm. - Khá: 04 điểm. - Trung bình: 02 điểm. - Yếu: 0 điểm. 	5 điểm



PHỤ LỤC II
TIÊU CHÍ VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG
TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP HUYỆN
(Kèm theo Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT ngày 25/8/2008
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mục	Tên tiêu chí	Điểm tối đa
A.	Nhóm tiêu chí I: Quy mô học viên (HV) theo học các chương trình giáo dục thường xuyên	40 điểm
1.	Quy mô HV của các chương trình liên kết đào tạo lấy bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp: Cứ 50 HV được tính 01 điểm.	5 điểm
2.	Quy mô của các lớp Bổ túc trung học cơ sở, Bổ túc trung học phổ thông: Tối thiểu có 300 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 100 HV được cộng thêm 01 điểm.	10 điểm
3.	Quy mô HV các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức kỹ năng, chuyển giao khoa học kỹ thuật, dạy nghề ngắn hạn, bồi dưỡng văn hoá: Tối thiểu có 500 lượt HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 100 lượt HV được cộng thêm 01 điểm.	15 điểm
4.	Quy mô HV của các lớp xoá mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ: Tối thiểu có 20 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 10 HV được cộng thêm 01 điểm.	5 điểm
5.	Quy mô HV học ngoại ngữ, tin học, công nghệ thông tin truyền thông, tiếng dân tộc thiểu số: Tối thiểu có 100 HV được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 50 HV được cộng thêm 01 điểm.	5 điểm
B.	Nhóm tiêu chí II: Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên	20 điểm
1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy: - Ban giám đốc chỉ có 1 người được tính 01 điểm. Ban giám đốc có 2 người trở lên được tính 02 điểm. - Tối thiểu có 2 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương được tính 01 điểm. Có từ 3 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương trở lên được tính 02 điểm.	4 điểm

2	<p>Đội ngũ cán bộ, giáo viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số cán bộ, giáo viên cơ hữu và hợp đồng dài hạn: (06 điểm) Tối thiểu có 10 người được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 2 người được cộng thêm 01 điểm. - Cơ cấu đội ngũ giáo viên: (03 điểm) Có giáo viên của 4-6 môn học bắt buộc của Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: 01 điểm. Có giáo viên của 7 môn học bắt buộc: 02 điểm. Có giáo viên ngoại ngữ, tin học, công nghệ thông tin: 01 điểm. - Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giáo viên: (03 điểm) Tối thiểu có 60% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ từ đại học trở lên được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 10% được cộng thêm 0,5 điểm. 	12 điểm
3	<p>Trình độ ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 30% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên: 0 điểm. - Có từ 30%-49% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên được tính 01 điểm. - Có từ 50% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ ngoại ngữ A trở lên được tính 02 điểm. 	2 điểm
4	<p>Trình độ tin học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 40% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên: 0 điểm. - Có từ 40%-69% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên được tính 01 điểm. - Có từ 70% trở lên cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ tin học A trở lên được tính 02 điểm. 	2 điểm
C.	Nhóm tiêu chí III: Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	25 điểm
1	<p>Diện tích đất sử dụng:</p> <p>Có tối thiểu 1000 m² được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 300 m² được cộng thêm 01 điểm.</p>	7 điểm
2	<p>Phòng học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu có 5 phòng học kiên cố được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 1 phòng học kiên cố được cộng thêm 01 điểm. - Trường hợp không có phòng học kiên cố thì cách tính điểm như sau: Tối thiểu có 8 phòng học không kiên cố được tính 01 điểm; tiếp theo, cứ thêm 1 phòng học không kiên cố được tính 01 điểm; tối đa không quá 04 điểm. 	10 điểm

3	<p>Nhà điều hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng họp Hội đồng: 01 điểm. - Có phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc: 01 điểm. - Có phòng làm việc của kế toán, thủ quỹ, văn thư: 01 điểm. 	3 điểm
4	<p>Phòng thí nghiệm và thiết bị dạy học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng thí nghiệm hoặc phòng học tin học: 01 điểm. - Có thiết bị dạy học của các lớp 10, 11, 12: 01 điểm. - Có thiết bị dạy nghề phổ thông, nghề ngắn hạn: 01 điểm 	3 điểm
5	<p>Phòng thư viện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phòng thư viện với diện tích tối thiểu 50 m²: 01 điểm. - Có 500 đầu sách các loại trở lên: 01 điểm. 	2 điểm
D.	Nhóm tiêu chí IV: Chất lượng giáo dục, đào tạo và hiệu quả hoạt động	15 điểm
1	<p>Chất lượng giáo dục, đào tạo: Được địa phương đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt: 07 điểm. - Khá: 05 điểm. - Trung bình: 03 điểm. - Yếu: 0 điểm. 	7 điểm
2	<p>Đa dạng hoá nội dung chương trình giáo dục, hình thức học, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi tầng lớp nhân dân trong địa bàn, góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Được địa phương đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốt: 05 điểm. - Khá: 04 điểm. - Trung bình: 02 điểm. - Yếu: 0 điểm. 	5 điểm
3	<p>Hỗ trợ có hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng được: 03 điểm</p>	3 điểm